TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST Ngày 17 tháng 11 năm 2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Thanh Sơn,

+ Ông Nguyễn Văn Đang.

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX- ST ngày 25 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trương Thị A, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Tr, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký tạm trú: số nhà 56, phố Y, phường T, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa.

**. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần nuôi con:* anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1986; địa chỉ: số nhà 54, ngõ 61, phố T, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. (văn bản ủy quyền ngày 23/10/2020)

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn Tr, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958.

+ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1957.

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: thôn Tr, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị H: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn Tr, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (văn bản ủy quyền ngày 12/11/2020)

Tại phiên tòa: chị Trương Thị A, anh Nguyễn Ngọc A, anh Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị H, anh Nguyễn Văn H đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn Ch đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc trong khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp nhau về tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Có lần anh Ch còn đánh chị gây thương tích và anh Ch đã bị Công an xã Y xử phạt hành chính. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ ngày 29/5/2020 cho đến nay. Hiện nay vợ chồng chị không ai quan tâm đến ai nữa. Do chị không còn tình cảm với anh Ch nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch. Hiện nay chị không có thai.

Về nuôi con chung, con riêng:

Về nuôi con chung: chị và anh Ch có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H vì chị có điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng cháu Huy tốt nhất.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Ch cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về con riêng: chị không có con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2020, chị có đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề sau: trong thời kỳ chung sống, vợ chồng chị có đóng góp số tiền 197.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị H (là bố mẹ chồng chị)

để xây 01 căn nhà 02 tầng có diện tích sử dụng khoảng 200m^2 trên mảnh đất mang tên ông T và bà H. Ngôi nhà này hiện tại vợ chồng chị đang sử dụng tại thôn Tr, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, chị có tài sản riêng là 01 cây vàng trị giá 40.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền mặt góp cùng ông T, bà H để trả nợ tiền mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 35A-01782 mang tên ông Nguyễn Văn T, tổng số tiền đóng góp là 60.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án chia công sức đóng góp của chị vào khối tài sản của bố mẹ chồng.

Tuy nhiên, để giữ hòa khí trong gia đình và để vụ án được giải quyết kịp thời, nhanh chóng; chị xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn (tức là chị xin rút 1 phần nội dung yêu cầu khởi kiện), chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề chia tài sản, công sức đóng góp của chị vào khối tài sản của bố mẹ chồng nữa. Việc chị xin rút 1 phần nội dung yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Về nợ chung, nợ riêng: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn Ch đồng ý lời khai của nguyên đơn về đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung với với bố mẹ đẻ anh hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, chị A có thái độ không đúng mực với bố mẹ đẻ của anh và do mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế. Cửa hàng mỹ phẩm của vợ chồng anh khai trương vào cuối tháng 10/2019 nhưng không có khách kinh doanh, dẫn đến việc kinh doanh của cửa hàng thua lỗ. Trong khoảng thời gian này anh vẫn hàng ngày lao động để kiếm tiền chăm lo cuộc sống gia đình. Tháng 5/2020 trong cuộc sống vợ chồng có xích mích, có hôm anh đi uống rượu bên hàng xóm, chị A có mắng chửi anh nên anh không kìm chế được có tát vợ một cái, chị A có lấy thanh sắt ống lùa màn vụt anh, anh giựt lại và vụt chị A vào mông, vợ anh có đỡ vào tay và đùi. Sự việc chị A có báo Công an xã Y lập biên bản. Anh nhận thức được việc đánh vợ là sai, anh đã xin lỗi và mong vợ anh bỏ qua. Chị A đã đồng ý bỏ qua cho anh và đã xin Công an xã không xử lý để gia đình giải quyết nội bộ. Một tuần sau chị A lại tiếp tục có ý kiến với Công an xã Y là phải phạt hành chính anh. Nếu chị A vẫn muốn Công an xã Y xử phạt anh để lấy căn cứ gửi ra Tòa đơn phương ly hôn anh thì anh chấp nhận ly hôn chị A.

Về nuôi con chung, con riêng:

Về nuôi con chung: vợ chồng anh có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014 như chị A trình bày là đúng. Trường hợp chị A ly hôn thì sau khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H vì anh có đầy đủ điều kiện tốt để nuôi dưỡng cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con riêng: anh không có con riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: anh khẳng định vợ chồng anh không đóng góp bất kỳ số tiền nào cho ông T bà H. Vợ anh khởi kiện về phần tài sản là không đúng.

Về nợ chung, nợ riêng: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản trình bày, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị H trình bày:

+ Về giải quyết việc nuôi con khi ly hôn: nếu con dâu ông bà cương quyết ly hôn với chồng thì ông bà muốn quý Tòa xem xét cho anh Nguyễn Văn Ch được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Ông bà xin hứa sẽ hỗ trợ cho cháu H cả về vật chất và tinh thần, tạo điều kiện cho cháu có một cuộc sống tốt nhất.

+ Về chia tài sản khi ly hôn: chị A viết trong đơn khởi kiện đóng góp 197.000.000 đồng cho ông bà để xây dựng căn nhà 02 tầng diện tích sử dụng khoảng 200m^2 trên mảnh đất mang tên ông bà là không đúng.

Trong bản trình bày, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vừa là người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị H trình bày:

Ngày 08/9/2016 vợ chồng anh có mua một mảnh đất diện tích 100m^2 bám sát trục đường 12B. Sau 02 năm mua đất vợ chồng anh tích cóp được 400.000.000 đồng và vay Ngân hàng 200.000.000 đồng, vay anh em bên cô Phạm Thị H 100.000.000 đồng; tổng cộng 700.000.000 đồng. Vào cuối tháng 12/2018 vợ chồng anh bắt đầu đào móng và tiến hành xây nhà, tiền xây nhà chỉ do vợ chồng anh bỏ ra xây; không có ai góp một đồng nào tiền xây nhà của vợ chồng anh. Như vậy, anh khẳng định vợ chồng chú Nguyễn Văn Ch và cô Trương Thị A không có đóng góp bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến căn nhà mà vợ chồng anh đã xây, đang cho chú Ch mượn để ở.

*. Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Trương Thị A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Trong thời kỳ chung sống, vợ chồng chị có đóng góp số tiền 197.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị H (là bố mẹ chồng chị) để xây 01 căn nhà 02 tầng có diện tích sử dụng khoảng 200m^2 trên mảnh đất mang tên ông T và bà H. Ngôi nhà này hiện tại vợ chồng chị đang sử dụng tại thôn Tr, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, chị có tài sản riêng là 01 cây vàng trị giá 40.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền mặt góp cùng ông T bà H để trả nợ tiền mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 35A-01782 mang tên ông Nguyễn Văn T, tổng số tiền đóng góp là 60.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án chia công sức đóng góp của chị vào khối tài sản của bố mẹ chồng.

*. Trước khi bắt đầu phiên tòa và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn và thỏa thuận chị A chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn.

*. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần nuôi con và bị đơn thỏa thuận về phần nuôi con chung (có Biên bản thỏa thuận kèm theo) và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án.

*. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị H, anh Nguyễn Văn H có quan điểm: nhất trí việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn.

*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: *khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch. Về nuôi con chung: trong thời gian từ ngày 17/11/2020 đến ngày 01/8/2023: chị Trương Thị A có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014. Trong thời gian từ ngày 02/8/2023 đến 01/12/2032: anh Nguyễn Văn Ch có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014. Trong thời gian chị Trương Thị A, anh Nguyễn Văn Ch được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H thì các ngày lễ, ngày tết, 01 tháng nghỉ hè, bên được nuôi con sẽ giao cháu Nguyễn Đức H được ở cùng với bên không được nuôi cháu Nguyễn Đức H. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch không đề nghị Tòa án giải quyết. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về án phí dân sự sơ thẩm: hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị Trương Thị A đã nộp. Chị Trương Thị A nộp 150.000 án phí thuận tình ly hôn.*

Tại Biên bản xác minh ngày 08/7/2020, Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, anh Ch có đánh chị A, công an đã giải quyết. Anh Ch và chị A có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Đức H, cháu H được anh Ch chị A chăm sóc tốt, cháu không có biểu hiện bị bạo hành ở thời điểm anh Ch, chị A chung sống. Hiện nay cháu H không sinh sống cùng anh Ch.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/7/2020, Công an xã Y, thành phố T cung cấp: ngày 16/4/2020 Công an xã Y tiếp nhận đơn trình báo của chị Trương Thị A về việc bị anh Ch có hành vi đánh đập chị. Sau khi tiếp nhận đơn, Công an xã Y lập hồ sơ giải quyết. Quá trình giải quyết Công an xã Y xác nhận có hành vi bạo hành đánh đập chị A. Ngày 25/5/2020 căn cứ hành vi vi phạm của anh Ch, Công an xã Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Ch bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Ngày 25/5/2020 anh Ch đã nộp xong số tiền 1.500.000 đồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/7/2020, Trường mầm non xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: trong thời gian cháu Nguyễn Đức H còn học tại Trường mầm non xã Y, do mẹ cháu là chị Trương Thị A đưa đón. Ngoài ra các khoản đóng góp kinh phí của cháu tại trường do mẹ cháu đóng góp. Nhà trường không thấy cháu bị bạo hành. Mẹ cháu quan tâm, chăm sóc cháu chu đáo. Đối với nhà trường thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với cháu. Từ ngày 13/5/2020 cháu H không đến lớp, vì mẹ cháu có điện cho nhà trường thông báo cho cháu H về quê chơi.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/7/2020, Trường mầm non H, xã L, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa cung cấp: ngày 01/6/2020 Trường mầm non H tiếp nhận cháu Nguyễn Đức H với lý do là do hoàn cảnh gia đình và do nguyện vọng của mẹ cháu muốn cháu ở lại học tiếp trường mầm non một năm nữa để đảm bảo kiến thức mới cho cháu lên trường tiểu học. Đối chiếu với quy định, nhà trường đã xếp cháu H vào lớp 5-6 tuổi theo đúng quy định chương trình phổ cập mầm non. Tuy nhiên, với trường hợp cháu H hiện nay chưa đảm bảo về thể lực và kiến thức để vào trường tiểu học. Kể từ khi tiếp nhận đến nay, cháu H được nhà trường chăm sóc chu đáo và cháu đã hòa nhập với mọi sinh hoạt trong lớp.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/7/2020, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa cung cấp: do thời gian chị A về sống tại địa phương chỉ có một mình nên địa phương không biết mâu thuẫn của vợ chồng chị A. Quá trình sinh sống của chị A và cháu H rất tốt, không có biểu hiện bị bạo hành, chị A chăm sóc cháu H chu đáo và được sống trong môi trường giáo dục tốt; ông bà ngoại rất yêu thương, quan tâm chăm sóc cháu H. Hiện tại chị A đã có việc làm ổn định, thu nhập ổn định, đủ điều kiện tạo dựng cho cháu H có môi trường phát triển tốt.

Tại Công văn số 64/CV-LĐTBXH ngày 15/7/2020 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Th cung cấp: chị A và cháu H đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại số nhà 56 phố Y, phường T, thành phố Th. Chị A là nhân viên kế toán của Doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn với mức lương 7.000.000 đồng. Hiện nay cháu H được ông bà ngoại và mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt.

Tại Công văn số 07/LĐTBXH ngày 22/7/2020 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố T cung cấp: anh Ch và chị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H, hiện cháu H đang ở với mẹ tại thành phố Th.

Tại Công văn số 13/VHTT ngày 22/7/2020 của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố T cung cấp: trong cuộc sống gia đình do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có xảy ra bạo lực gia đình.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/9/2020, Trường tiểu học xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: ngày 01/9/2020 Trường tiểu học xã Y có tiếp nhận cháu Nguyễn Đức H, sau khi xem xét cháu đủ điều kiện vào học lớp 1, nhà trường đã sắp xếp học tại lớp 1B. Hiện tại cháu đã học được buổi đầu tiên, cháu có tinh thần tốt, vui vẻ, bước đầu hòa nhập với các bạn trong lớp.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/9/2020, Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: ngày 30/8/2020 anh Ch có đón cháu H ở thành phố Th về, bố cháu đã làm thủ tục cho cháu H đi học lớp 1 Trường tiểu học xã Y, thành phố T. Hiện tại cháu được anh Ch chăm sóc tốt. Cháu không bị bạo hành hay có hành vi khác ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/9/2020, Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: mức thu nhập bình quân của người lao động tự do trên địa bàn xã Y, thành phố T là 45.000.000 đồng/người/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Trương Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với bị đơn. Anh Nguyễn Văn Ch có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng:

*. Tại phiên tòa ngày 21/10/2020, anh Ch có xin hoãn phiên tòa; bà H, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

*. Tại phiên tòa ngày 17/11/2020, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin rút toàn bộ yêu cầu thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn (tức nguyên đơn xin rút 1 phần nội dung yêu cầu khởi kiện), yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án về việc thuận tình ly hôn giữa chị và anh Ch; đối với phần tranh chấp về nuôi con, chị đã ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc A giải quyết.

Tòa án xét thấy: việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, **đình chỉ xét xử toàn bộ** đối với phần yêu cầu khởi kiện thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn về vấn đề: Trong thời kỳ chung sống, vợ chồng chị có đóng góp số tiền 197.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Tvà bà Đặng Thị H (là bố mẹ chồng chị) để xây 01 căn nhà 02 tầng có diện tích sử dụng khoảng 200m^2 trên mảnh đất mang tên ông Tvà bà H. Ngôi nhà này hiện tại vợ chồng chị đang sử dụng tại thôn Tr, xã Yên S, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, chị có tài sản riêng là 01 cây vàng trị giá 40.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền mặt góp cùng ông T, bà H để trả nợ tiền mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 35A-01782 mang tên ông Nguyễn Văn T tổng số tiền đóng góp là 60.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án chia công sức đóng góp của chị vào khối tài sản của bố mẹ chồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do hai bên đương sự bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh Ch đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trước khi bắt đầu phiên tòa và tại phiên tòa, chị Axin ly hôn anh Ch, anh Ch cũng đồng ý ly hôn chị A, thỏa thuận chị A chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án (có Biên bản thỏa thuận kèm theo).

- Về con riêng, về nợ chung, nợ riêng: chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nuôi con chung:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần nuôi con có quan điểm không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con và thống nhất với bị đơn về việc chị A và anh Ch có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần nuôi con và bị đơn đều thỏa thuận thống nhất về phần nuôi con chung (có Biên bản thỏa thuận kèm theo) và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, cụ thể:

Trong thời gian từ ngày 17/11/2020 đến ngày 01/8/2023: chị Trương Thị A có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014.

Trong thời gian từ ngày 02/8/2023 đến 01/12/2032: anh Nguyễn Văn Ch có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014.

Trong thời gian chị Trương Thị A, anh Nguyễn Văn Ch được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H thì các ngày lễ, ngày tết, 01 tháng nghỉ hè, bên được nuôi con sẽ giao cháu Nguyễn Đức H được ở cùng với bên không được nuôi cháu Nguyễn Đức H.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch thật sự tự nguyện ly hôn; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần nuôi con và bị đơn đã thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu Nguyễn Đức H. Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch và sự thoả thuận của các đương sự về phần nuôi con chung.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đình chỉ xét xử toàn bộ đối với phần yêu cầu khởi kiện thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn nên trả lại cho chị Trương Thị A số tiền tạm ứng án phí thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản là 6.425.000 đồng (sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Trước khi bắt đầu phiên tòa và tại phiên tòa, chị A và anh Ch thuận tình ly hôn, chị A tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Ch cũng nhất trí việc chị A chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn. Do đó, chị A chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án *về phần yêu cầu khởi kiện thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn* theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 18; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Đình chỉ xét xử toàn bộ đối với phần yêu cầu khởi kiện thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn về vấn đề: Trong thời kỳ chung sống, vợ chồng chị có đóng góp số tiền 197.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị H (là bố mẹ chồng chị) để xây 01 căn nhà 02 tầng có diện tích sử dụng khoảng 200m^2 trên mảnh đất mang tên ông T và bà H. Ngôi

nhà này hiện tại vợ chồng chị đang sử dụng tại thôn Tr, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, chị có tài sản riêng là 01 cây vàng trị giá 40.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền mặt góp cùng ông T, bà H để trả nợ tiền mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 35A-01782 mang tên ông Nguyễn Văn T, tổng số tiền đóng góp là 60.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án chia công sức đóng góp của chị vào khối tài sản của bố mẹ chồng.

Hậu quả của việc đình chỉ xét xử toàn bộ đối với phần yêu cầu khởi kiện thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn: nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần tài sản nêu trên của vụ án; trả lại tài liệu có liên quan đến yêu cầu khởi kiện thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch.

2.2. Về nuôi con chung:

Trong thời gian từ ngày 17/11/2020 đến ngày 01/8/2023: chị Trương Thị A có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014.

Trong thời gian từ ngày 02/8/2023 đến 01/12/2032: anh Nguyễn Văn Ch có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/12/2014.

Trong thời gian chị Trương Thị A, anh Nguyễn Văn Ch được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H thì các ngày lễ, ngày tết, 01 tháng nghỉ hè, bên được nuôi con sẽ giao cháu Nguyễn Đức H được ở cùng với bên không được nuôi cháu Nguyễn Đức H.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn Ch không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho chị Trương Thị A số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 6.425.000 đồng (sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Chị Trương Thị A chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.725.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001593 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Như vậy chị Trương Thị A được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 6.575.000 đồng (sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với *phần đình chỉ xét xử*

toàn bộ đối với phần yêu cầu khởi kiện thanh toán công sức đóng góp và chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với *phần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn, về nuôi con chung* có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần nuôi con;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng